

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày 22-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hùng Em

Ông Nguyễn Hữu Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Dương Văn P, sinh năm 1985 tại tỉnh Đồng Tháp; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H, sinh năm 1958 (chết) và bà Nhan Thị C, sinh năm 1960; có vợ Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phạm Thị P1, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Phạm Văn H1, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng: Nguyễn Văn B, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 28/9/2023, Dương Văn P dùng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu xanh, gắn sim số 0327142612 điện thoại cho Nguyễn Văn B (không nhớ rõ số điện thoại của B, chỉ nhớ 3 số cuối là 441) thỏa thuận mua ma túy. Khoảng 15 phút sau P điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 67CA-1638 đến nhà của người tên T1 (không rõ họ cụ thể) thuộc ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để gặp B mua 200.000 đồng ma túy, nhận ma túy xong P điều khiển xe về hướng ấp D, xã A, huyện T được một đoạn khoảng 02 km thì bị lực lượng Công an kiểm tra; P ném gói ma túy xuống đất cách khoảng 01m, lực lượng Công an tiến hành lập biên bản và thu giữ tang vật liên quan.

Tang vật thu giữ gồm: 01 đoạn ống nhựa (loại ống hút) màu trắng-xanh lá cây được hàn kín, bên trong có nhiều tinh thể rắn được niêm phong; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số 0327142612; 01 xe mô tô biển số 67CA-1638, không có nhãn hiệu, loại CUB 50, màu đen-trắng, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Bản kết luận giám định số: 1066/KL-KTHS, ngày 30/9/2023 của Phòng K - Công an tỉnh Đ, kết luận: Tinh thể rắn có khối lượng 0,104 gam chứa trong 1 đoạn ống hút nhựa màu trắng-xanh lá cây được hàn kín hai đầu, niêm phong trong phong bì giấy màu trắng, kí hiệu A gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,104 gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 247, mục IIC, thuộc Danh mục II, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ).

Tại Bản Cáo trạng số: 10/CT-VKSTN ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Dương Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Dương Văn

P, phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” mức án từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

Bị cáo Dương Văn P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P1, ông H1, người làm chứng ông B vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bà P1, ông H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt không có lý do, tuy nhiên họ đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, yêu cầu trong hồ sơ vụ án và việc xét xử vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến xác định tội danh, hình phạt và xử lý vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 28/9/2023 của Công an huyện T; Kết luận giám định số: 1066/KL-KTHS ngày 30/9/2023 của Phòng K - Công an tỉnh Đ; Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 28/9/2023, bị cáo P điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 67CA-1638 đến nhà của người tên T1 (không rõ họ cụ thể) thuộc ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để gặp Nguyễn Văn B mua 200.000 đồng ma túy về sử dụng cá nhân. Sau khi mua ma túy, P cầm ma túy trên tay trái rồi điều khiển xe về hướng ấp D, xã A, huyện T thì bị lực lượng công an kiểm tra, P sợ nên ném gói ma túy xuống đất bị Công an phát hiện tiến hành lập biên bản và thu giữ tang vật. Theo Kết luận giám định ma túy có khối lượng 0,104 gam, loại Methamphetamine.

Hành vi của bị cáo xem thường pháp luật đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết rõ tác hại của ma túy sẽ gây hậu quả rất lớn cho bản thân, gia đình, xã hội, bị cáo biết rõ điều đó vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng để phòng ngừa, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh gia đình khó khăn (Theo xác nhận ngày 03/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp), nhận thức pháp luật hạn chế là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo làm thuê, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 đoạn ống nhựa (loại ống hút) màu trắng-xanh lá cây được hàn kín, bên trong có nhiều tinh thể rắn là chất ma túy được niêm phong, còn lại sau giám định có khối lượng 0,058 gam, loại Methamphetamine (Theo Kết luận giám định số: 1066/KL-KTHS, ngày 30/9/2023 của Phòng K - Công an tỉnh Đ). Xét thấy, các vật chứng trên là chất ma túy là vật cấm tàng trữ và liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số 0327142612. Xét thấy, điện thoại trên thuộc sở hữu bị cáo P dùng làm phương tiện để liên lạc mua ma túy đã dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 xe mô tô biển số 67CA-1638, không có nhãn hiệu, loại CUB 50, màu đen-trắng, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Xét thấy, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu xe tên Phạm Thị P1 và bà P1 trình bày cách đây 05 năm đã tặng xe trên cho anh ruột tên Phạm Văn H1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đây là sự tự nguyện của bà P1. Anh H1 trình bày cách đây 05, 06 tháng có cho bị cáo P mượn xe trên để sử dụng cá nhân, không biết việc bị cáo P sử dụng xe trên để mua ma túy và tại phiên tòa bị cáo P khai anh H1

không biết bị cáo sử dụng xe đi mua ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh H1 là phù hợp.

[7] Đối với Nguyễn Văn B, tại biên bản đối chất ngày 03/11/2023 giữa bị cáo và Nguyễn Văn B: Bé không thừa nhận có bán ma túy trong ngày 28/9/2023 và những ngày khác cho bị cáo P, B chỉ ra nhà người bạn tên T1 (không rõ họ cụ thể ở đâu) chơi và không quen biết bị cáo P. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 07/11/2023 và ngày 14/12/2023 B đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên chưa đủ căn cứ xem xét hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của B. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T tiếp tục xác minh làm rõ đối với B và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với người tên T1 hiện nay không có mặt tại địa phương nên cơ quan chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[09] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tại phiên tòa có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương Văn P, phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Dương Văn P 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đoạn ống nhựa (loại ống hút) màu trắng-xanh lá cây được hàn kín, bên trong có nhiều tinh thể rắn là chất ma túy được niêm phong, còn lại sau giám định có khối lượng 0,058gam, loại Methamphetamine (Theo Kết luận giám định số: 1066/KL-KTHS, ngày 30/9/2023 của Phòng K - Công an tỉnh Đ).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số 0327142612.

- Trả lại cho anh Phạm Văn H1: 01 (một) xe mô tô biển số 67CA-1638, không có nhãn hiệu, loại CUB 50, màu đen-trắng, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Dương Văn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Nông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tam Nông;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Kim Oanh